

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I  
MÔN CÔNG NGHỆ, LỚP 8**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
<b>1</b> <b>I. Vẽ kỹ thuật</b>	<b>1.1. Vai trò bản vẽ kỹ thuật</b>	2	1,5	1	1,5					3		3	7,5	
	<b>1.2. Hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện, khối tròn xoay</b>	1	0,75	2	3					3		3,75	7,5	
	<b>1.3. Hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản</b>	2	1,5	1	1,5					3		3	7,5	
	<b>1.4 Hình cắt</b>	2	1,5	2	3					4		4,5	10	
	<b>1.5 Bản vẽ chi tiết</b>	2	1,5	2	3					4		4,5	10	
	<b>1.6 Bản vẽ ren</b>	2	1,5	2	3			1	5	4	1	9,5	20	

	<b>1.7 Bản vẽ lắp</b>	2	1,5	1	1,5	1	10			3	1	13	<b>27,5</b>
	<b>1.8 Bản vẽ nhà</b>	3	2,25	1	1,5					4		3,75	<b>10</b>
<b>Tổng</b>		<b>16</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>18</b>	<b>1</b>	<b>10</b>	<b>1</b>	<b>5</b>	<b>28</b>	<b>1</b>	<b>45</b>	<b>100</b>
<b>Tỉ lệ (%)</b>		<b>40%</b>		<b>30%</b>		<b>20%</b>		<b>10%</b>					
<b>Tỉ lệ chung (%)</b>		<b>70%</b>				<b>30%</b>							

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 8**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	<b>I. Vẽ kỹ thuật</b>	<b>1.1. Vai trò bản vẽ kỹ thuật</b>	<b>Nhận biết:</b> - Biết được vai trò của vẽ kỹ thuật trong đời sống. - Biết được vai trò của vẽ kỹ thuật trong các lĩnh vực kỹ thuật. <b>Thông hiểu:</b> - Trình bày được bản vẽ kỹ thuật sử dụng cho tất cả các lĩnh vực sản xuất	2	1		
		<b>1.2. Hình chiếu</b>	<b>Nhận biết:</b> - Trình bày khái niệm hình chiếu. - Gọi được tên các hình chiếu vuông góc, hướng chiếu. <b>Thông hiểu:</b> - Xác định các loại nét trên bản vẽ đúng qui định - Xác định các hình chiếu theo các hướng chiếu <b>Vận dụng:</b> - Vẽ được hình chiếu vuông góc của một vật thể đơn giản. - Ghi được kích thước đúng quy ước trong bản vẽ kỹ thuật.	1	2		
		<b>1.3. Bản vẽ khối đa diện, khối tròn</b>	<b>Nhận biết:</b> - Nhận dạng được các khối đa diện.	2	1		

<p><b>xoay</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được hình chiếu của một số khối đa diện thường gặp.</li> <li>- Nhận biết được hình chiếu của một số khối tròn xoay thường gặp.</li> <li>- Trình bày được các bước vẽ hình chiếu vuông góc một số khối đa diện, tròn xoay thường gặp</li> <li>- Kể tên được các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được các hình chiếu của khối đa diện, khối tròn xoay.</li> <li>- Sắp xếp được đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của vật thể trên bản vẽ kỹ thuật.</li> <li>- Sắp xếp đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện thường gặp trên bản vẽ kỹ thuật.</li> <li>- Sắp xếp đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của một số khối tròn xoay thường gặp trên bản vẽ kỹ thuật.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện theo phương pháp chiếu góc thứ nhất.</li> <li>- Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối tròn xoay thường gặp theo phương pháp chiếu góc thứ nhất.</li> </ul>				
<p><b>1.4 Hình cắt</b></p>	<p><b>Nhận biết:</b> Khái niệm và công dụng của hình cắt.  <b>Thông hiểu:</b> Xác định được hình cắt trên bản vẽ  <b>Vận dụng:</b> Đọc được một số bản vẽ có hình cắt đơn giản.</p>	2	1		
<p><b>1.5. Bản vẽ chi tiết</b></p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được nội dung và công dụng của bản vẽ chi tiết.</li> <li>- Kể tên các bước đọc bản vẽ chi tiết đơn giản.</li> </ul>				

	<p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ chi tiết đơn giản.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc được bản vẽ chi tiết đơn giản theo đúng trình tự các bước.</li> </ul>	2	2	1	
<b>1.6. Biểu diễn ren</b>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận dạng được chi tiết có ren trên bản vẽ kỹ thuật.</li> <li>- Biết được các quy ước vẽ các loại ren.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu diễn ren đúng quy ước về vẽ ren.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc được bản vẽ chi tiết có ren đơn giản</li> </ul>	2	2		1
<b>1.7 Bản vẽ lắp</b>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được nội dung và công dụng của bản vẽ lắp</li> <li>- Kể tên các bước đọc bản vẽ lắp đơn giản.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ lắp đơn giản.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc được bản vẽ lắp đơn giản theo đúng trình tự các bước.</li> </ul>	2	2	1	
<b>1.8. Bản vẽ nhà</b>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được nội dung và công dụng của bản vẽ nhà.</li> <li>- Nhận biết được kí hiệu quy ước một số bộ phận của ngôi nhà.</li> <li>- Trình bày được các bước đọc bản vẽ nhà đơn giản.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ nhà.</li> </ul>	3	1		

<b>Tổng</b>		<b>16</b>	<b>12</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
-------------	--	-----------	-----------	----------	----------

## CÂU HỎI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

### I. TRẮC NGHIỆM:

**Câu 1: (NB)** Trong giao tiếp, con người diễn đạt tư tưởng, tình cảm và truyền thông tin cho nhau bằng:

- A. Một phương tiện thông tin
- B. Hai phương tiện thông tin
- C. Nhiều phương tiện thông tin
- D. Không sử dụng phương tiện thông tin nào.

**Câu 2: (NB)** Tìm đáp án sai: Người công nhân căn cứ theo bản vẽ để ?

- A. Chế tạo
- B. Thiết kế
- C. Lắp ráp
- D. Thi công

**Câu 3: (TH)** Theo em, tại sao mỗi chiếc máy hoặc thiết bị, nhà sản xuất có kèm theo bản hướng dẫn sử dụng ?

- A. Tăng hiệu quả sử dụng sản phẩm
- B. Giúp sử dụng sản phẩm an toàn
- C. Giúp sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả
- D. Giúp sử dụng sản phẩm an toàn hoặc hiệu quả

**Câu 4: (NB)** Khi chiếu một vật thể lên một mặt phẳng, hình nhận được trên mặt phẳng đó gọi là:

- A. Hình chiếu
- B. Vật chiếu
- C. Mặt phẳng chiếu
- D. Vật thể

**Câu 5: (NB)** Hình chiếu đứng có hướng chiếu từ:

- A. Trước tới
- B. Trên xuống
- C. Trái sang
- D. Phải sang

**Câu 6: (NB)** Vị trí các hình chiếu trên bản vẽ như sau:

- A. Hình chiếu bằng ở dưới hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng
- B. Hình chiếu bằng ở trên hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh ở bên trái hình chiếu đứng
- C. Hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng, hình chiếu bằng ở bên trái hình chiếu đứng
- D. Hình chiếu đứng ở dưới hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu bằng

**Câu 7: (NB)** Mặt nằm ngang gọi là mặt phẳng chiếu gì ?

- A. Mặt phẳng chiếu đứng
- B. Mặt phẳng chiếu bằng
- C. Mặt phẳng chiếu cạnh
- D. Mặt phẳng chính diện

**Câu 8: (TH)** Cạnh khuất của vật thể được vẽ bằng nét gì ?

- A. Nét liền đậm
- B. Nét đứt
- C. Nét liền mảnh

D. Nét chấm gạch

**Câu 9: (TH)** Để diễn tả chính xác hình dạng vật thể, ta chiếu vuông góc vật thể theo:

A. Một hướng

B. Hai hướng

C. Ba hướng

D. Bốn hướng

**Câu 10: (TH)** Để biểu diễn rõ ràng bộ phận bên trong bị che khuất của vật thể, người ta dùng:

A. Hình chiếu đứng

B. Hình chiếu bằng

B. Hình chiếu cạnh

C. Hình cắt

**Câu 11: (NB)** Hình cắt là hình biểu diễn phần vật thể ở:

A. Trước mặt phẳng cắt

**B.** Sau mặt phẳng cắt

C. Trên mặt phẳng cắt

D. Dưới mặt phẳng cắt

**Câu 12: (NB)** Phần vật thể bị mặt phẳng cắt cắt qua được kẻ bằng nét:

A. Nứt đứt

B. Nét liền

C. Nét liền mảnh

**D.** Nét gạch gạch

**Câu 13: (NB)** Kích thước trên bản vẽ kỹ thuật tính theo đơn vị:

A. mm

B. cm

C. dm

D. m

**Câu 14: (NB)** Công dụng của bản vẽ chi tiết là:

A. Dùng để chế tạo chi tiết máy

B. Dùng để kiểm tra chi tiết máy

**C.** Dùng để chế tạo và kiểm tra chi tiết máy

D. Dùng để lắp chi tiết máy

**Câu 15: (NB)** Khi đọc bản vẽ chi tiết, phải đọc nội dung gì trước ?

A. Hình biểu diễn

B. Kích thước

C. Yêu cầu kỹ thuật

**D.** Khung tên

**Câu 16: (TH)** Việc mô tả hình dạng và cấu tạo của chi tiết nằm trong trình tự nào khi đọc bản vẽ:

A. Khung tên

B. Hình biểu diễn

C. Kích thước

**D.** Tổng hợp

**Câu 17: (TH)** Bước thứ 3 khi lập bản vẽ chi tiết là ?

**A.** Bố trí các hình biểu diễn

B. Bố trí khung tên

C. Vẽ mờ

D. Tô đậm

**Câu 18: (TH)** Trong các chi tiết sau, chi tiết nào không có ren?



- A. Đuôi đèn sợi đốt
- B. Đai ốc
- C. Bulông
- D. Vòng đệm

**Câu 19: (NB)** Vòng chân ren được vẽ

- A. Cả vòng
- B. 1/2 vòng
- C. 3/4 vòng
- D. 1/4 vòng

**Câu 20: (TH)** Quy ước về đường đỉnh ren của ren trục và ren lỗ khác nhau như thế nào ?

- A. Đường đỉnh ren của ren lỗ nằm ngoài đường chân ren
- B. Đường đỉnh ren của ren trục nằm ngoài đường chân ren
- C. Đường đỉnh ren của ren trục nằm trong đường chân ren
- D. Đường đỉnh ren của ren trục nằm dưới đường chân ren

**Câu 21: (TH)** Quy ước về đường đỉnh ren của ren trục và ren lỗ khác nhau như thế nào ?

- A. Ren lỗ có vòng đỉnh ren nằm ngoài vòng chân ren.
- B. Ren lỗ có vòng đỉnh ren nằm trong vòng chân ren.
- C. Ren trục có vòng đỉnh ren nằm trong vòng chân ren.
- D. Ren trục có vòng đỉnh ren nằm trên vòng chân ren.

**Câu 22: (NB)** Trong bản vẽ lắp thể hiện mấy nội dung?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

**Câu 23: (TH)** Bản vẽ lắp có thêm nội dung nào mà bản vẽ chi tiết không có?

- A. Hình biểu diễn
- B. Kích thước
- C. Bảng kê
- D. Khung tên

**Câu 24: (TH)** Bản vẽ lắp thiếu nội dung nào so với bản vẽ chi tiết?

- A. Hình biểu diễn
- B. Yêu cầu kỹ thuật
- C. Kích thước
- D. Khung tên

**Câu 25: (NB)** Bản vẽ nhà là:

- A. Bản vẽ xây dựng
- B. Bản vẽ cơ khí
- C. Bản vẽ giao thông
- D. Bản vẽ quân sự

**Câu 26: (NB)** Mặt cắt biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo:

- A. Chiều dài
- B. Chiều rộng
- C. Chiều cao
- D. Đáp án khác

**Câu 27: (NB)** Hình nào biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo chiều cao ?

- A. Mặt bằng
- B. Mặt đứng
- C. Mặt cắt

D. Không có đáp án đúng

**Câu 28: (TH)** Trong các hình vẽ của bản vẽ nhà, hình vẽ nào là quan trọng nhất ?

A. Mặt cắt

B. Mặt đứng

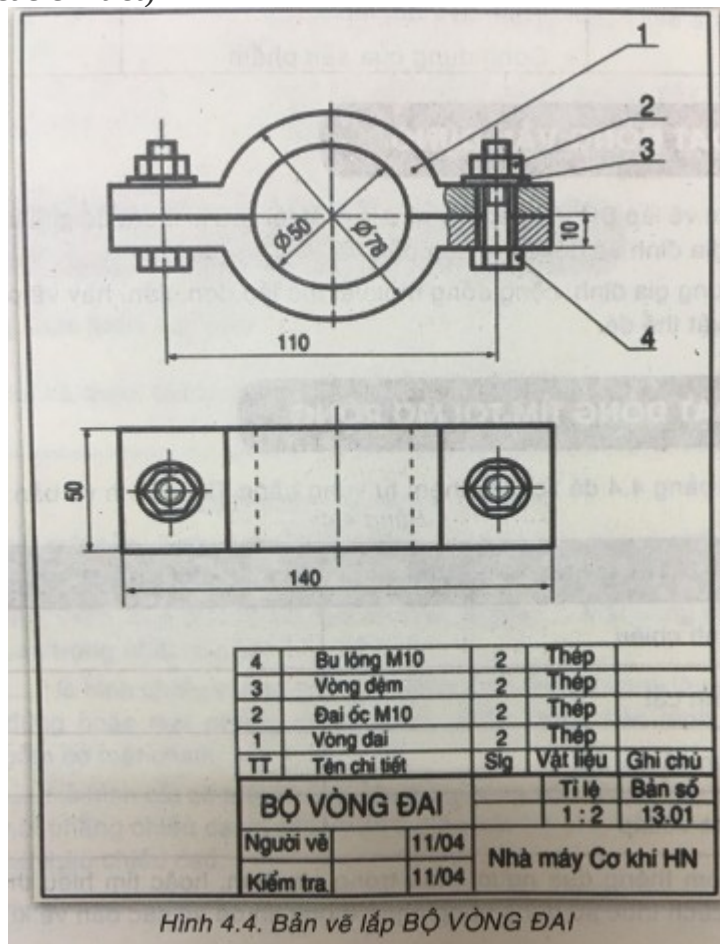
C. Mặt ngang

D. Mặt bằng

**II. TỰ LUẬN:**

**Câu 1:** Một chiếc bu lông có kích thước ren M5x1 của một bộ phận trên xe đạp bị mất đai ốc, em phải xử lý như thế nào trong trường hợp này? Em hãy giải thích kí hiệu ren trên? (1 điểm)

**Câu 2: (2 điểm)** Đọc bản vẽ lắp BỘ VÒNG ĐAI (Hình 4.4) và hoàn thiện bảng 4.3 (Bỏ qua Bước 5: Tô màu cho các chi tiết)



Hình 4.4. Bản vẽ lắp BỘ VÒNG ĐAI

**BẢNG 4.3**

Trình tự đọc	Nội dung	Kết quả
Khung tên	- Tên gọi sản phẩm - Tỉ lệ	
Bảng kê	- Tên gọi chi tiết và số lượng chi tiết	
Hình biểu diễn	- Tên gọi các hình biểu diễn	
Kích thước	- Kích thước chung	

	- Kích thước lắp ráp giữa các chi tiết - Kích thước xác định khoảng cách giữa các chi tiết	
Phân tích chi tiết	- Xác định hình dạng, vị trí từng chi tiết trong vật thể lắp, xác định mối quan hệ lắp ghép giữa các chi tiết	
Tổng hợp	- Trình tự tháo, lắp - Công dụng của sản phẩm	

## **ĐÁP ÁN**

### **I- TRẮC NGHIỆM** (Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>13</b>	<b>14</b>
<b>C</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>A</b>	<b>A</b>	<b>A</b>	<b>B</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>C</b>	<b>B</b>	<b>D</b>	<b>A</b>	<b>C</b>
<b>15</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>20</b>	<b>21</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>24</b>	<b>25</b>	<b>26</b>	<b>27</b>	<b>28</b>
<b>D</b>	<b>D</b>	<b>A</b>	<b>D</b>	<b>C</b>	<b>B</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>C</b>	<b>B</b>	<b>A</b>	<b>C</b>	<b>C</b>	<b>D</b>

### **II – TỰ LUẬN**

#### **Câu 1:**

**TL:** Ta tìm một đai ốc có kích thước ren M5x1 để thay thế. (0,5đ

M5x1 : Ren hệ mét có kích thước đường kính ren là 5, kích thước bước ren là 1, ren có hướng xoắn phải. (0,5đ)

#### **Câu 2:**

**Bài giải:** 05 bước đọc (Khung tên; Bảng kê; Hình biểu diễn; Kích thước; Tổng hợp) mỗi bước 0,4 điểm

<b>Trình tự đọc</b>	<b>Nội dung đọc</b>	<b>Kết quả đọc</b>
<b>Khung tên</b>	- Tên gọi sản phẩm - Tỷ lệ bản vẽ	- Bộ vòng đai - Tỷ lệ 1:2
<b>Bảng kê</b>	Tên gọi chi tiết và số lượng chi tiết	- Bu lông M10 - 2 cái - Vòng đệm - 2 cái - Đai ốc M10 - 2 cái - Vòng đai - 2 cái
<b>Hình biểu diễn</b>	Tên gọi các hình biểu diễn	- Hình chiếu bằng - Hình chiếu đứng có cắt cục bộ
<b>Kích thước</b>	- Kích thước chung - Kích thước lắp ráp giữa các chi tiết - Kích thước xác định khoảng	- 140, 50, 78 - M10 - 50, 110

	cách giữa các chi tiết	
<b>Phân tích chi tiết</b>	- Xác định hình dạng, vị trí từng chi tiết trong vật thể lắp, xác định mối quan hệ lắp ghép giữa các chi tiết	- Mỗi chi tiết được tô một màu để xác định vị trí của nó ở bản vẽ
<b>Tổng hợp</b>	- Trình tự tháo, lắp  - Công dụng của sản phẩm	- Trình tự tháo: 2 - 3 - 4 - 1  - Trình tự lắp: 1 - 4 - 3 - 2  - Công dụng: Ghép nối chi tiết hình trụ với các chi tiết khác.